TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện Tân Hiệp
Tỉnh Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2018/HNGĐ- ST
Ngày 07/06/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nông Đình Đoài**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Nguyễn Ngọc Chúc**
2. Ông Ngô Rô Be
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 07 tháng 6 năm 2018. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2018/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 về vụ kiện: "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:34/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 05 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Lê Thị T,** sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T P, xã T H B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

- Bị Đơn**: Anh Nguyễn Thanh T,** sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: số 273, ấp T P, xã T H B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Lê Thị T trình bày: Tôi và anh Nguyễn Thanh T chung sống với nhau vào ngày 09 tháng 01 năm 2010, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn trễ hạn vào ngày 31/7/2015 tại UBND xã T H B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang . Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 04 tháng mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình vợ chồng chung sống đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên đi uống rượu về chửi tôi những điều thô tục và nhục mạ tôi, từ đó vợ chồng hay có lời qua tiếng lại với nhau, anh không có trách nhiệm với vợ con, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống. Tôi có khuyên anh nhiều lần nhưng anh vẫn không thay đổi.

Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng đã đổ vỡ không thể hàn gắn lại được nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Nguyễn Thị T, sinh ngày 09/03/2011. Cháu đã có giấy khai sinh và hiện nay đang sống với vợ chồng tôi.

- Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng tự thỏa thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa tôi yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

- *Về quan hệ con chung:* Tôi yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày**: Theo bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 28/05/2018 của anh Nguyễn Thanh T trình bày là qua lời trình bày của vợ tôi là Lê Thị T về ngày, tháng, năm kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, có 01 con chung, không có tài sản chung, hai vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng là đúng. Còn về mâu thuẫn của vợ chồng thì không đúng tôi trình bày lại như sau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tôi đi làm, khi xong công việc thì có đi uống rượu với anh em, khi về nhà thì vợ chồng hay có lời qua tiếng lại với nhau dẫn đến cự cãi, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống. Nay vợ tôi cương quyết xin ly hôn với tôi thì tôi cũng đồng ý ly hôn.

Tại Tòa án anh T yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi đồng ý ly hôn với cô Lê Thị T.

Về quan hệ con chung: tôi xin nhận nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền**: Đây là vụ kiện Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện Ly hôn không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét lời yêu cầu của chị T về quan hệ hôn nhân, do anh T cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận chị Lê Thị T và anh Nguyễn Thanh T thuận tình ly hôn.

[4] Về quan hệ con chung: chị T yêu cầu xin nhận nuôi cháu Nguyễn Thị T sinh ngày 09/03/2011, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy giao cháu Nguyễn Thị T sinh ngày 09/03/2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Do hiện nay cháu Nguyễn Thị T 07 tuổi, đang chung sống với chị T và nguyện vọng của cháu T là khi cha mẹ cháu ly hôn thì cháu sẽ sống với mẹ. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

[5] **Về quan hệ tài sản chung và nợ chung**: Do chị T và anh T không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] **Xét yêu cầu của anh T về quan hệ con chung**: Anh T xin được nhận nuôi cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 09/03/2011, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy giao cháu Nguyễn Thị T sinh ngày 09/03/2011 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu là không có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Do hiện nay cháu Nguyễn Thị T 07 tuổi, hiện đang chung sống với chị T và nguyện vọng của cháu T là khi cha mẹ cháu ly hôn thì cháu sẽ sống với mẹ. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

Chính vì vậy bác lời yêu cầu của anh Nguyễn Thanh T.

Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: chị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0005023 ngày 09/05/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Lê Thị T là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu nói trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Thanh T thuận tình ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 09/03/2011 cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, anh Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

3. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị T nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0005023 ngày 09/05/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Lê Thị T là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu nói trên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Lê Thị T, anh Nguyễn Thanh T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Tân Hiệp.*
- *Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS.*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nông Đình Đoài